

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỐC OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HSST

Ngày: 07/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Sỹ Danh Huệ.

2- Ông Tạ Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:

Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2024/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 28/02/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Danh Q, sinh năm 1989; nơi ĐKTT và nơi cư trú: Thôn 3, xã Ph, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Danh Th1 và bà Đinh Thị N; vợ Đỗ Thị L (Đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quốc Oai, Hà Nội; Danh chỉ bản số 07 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 22/12/2023. Có mặt.

2. Nguyễn Danh T, sinh năm 1998; nơi ĐKTT và nơi cư trú: Thôn 3, xã Ph, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Danh Th1 và bà Đinh Thị N; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 51 ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành án phạt tù xong ngày 22/10/2021, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/01/2021(Đã được xóa án tích).

Bị tạm giữ, tạm giam: Không; Danh chỉ bản số 11 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 26/12/2023. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Danh Q: Ông Nguyễn Tất Doanh- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Bị hại:** Ông **Bùi Quang Th-** sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 325 phố Tr, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh **Nguyễn Văn Q1** - sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Ph, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Chị **Nguyễn Thị Hồng Y** - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Danh Q là đối tượng sử dụng ma túy, do không có việc làm ổn định, thiếu tiền tiêu nên Q nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người khác. Do năm 2021 Q từng làm công nhân tại xưởng sản xuất cửa quán của ông Bùi Quang Th (sinh năm 1961, ĐKTT: Số 235 phố Tr, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) ở thôn 3, xã Ph, huyện Quốc Oai (Xưởng sản xuất của ông Th gần nhà Q) và đã thông thạo lối đi trong xưởng nên Q chọn xưởng sản xuất của ông Th để trộm cắp. Khoảng 20 giờ, ngày 14/12/2023, Q một mình đi bộ qua xưởng, quan sát tại phía mái tôn bên phải của xưởng sản xuất cửa quán có 01 lỗ hổng có thể trèo vào được. Q trèo vào trong thấy không có người, trong xưởng có rất nhiều các bó thanh nhôm để làm cửa quán được bó vào từng bó; lúc này Q nhớ ra là trong xưởng có camera nên Q đã ngắt nguồn điện của camera. Sau khi xác định camera ngừng hoạt động, Q đi xung quanh phát hiện thấy có 01 ô cửa thoáng ở tường bên trái xưởng có thể đẩy các bó nhôm ra ngoài. Q dùng tay kéo từng bó nhôm đẩy ra ngoài theo ô cửa thoáng, được 20 bó. Sau đó Q vác toàn bộ 20 bó thanh nhôm xuống đường gần nhà mình và đi bộ ra đường Quốc lộ 21A - Hồ Chí Minh để vẫy thuê xe tải để chở số nhôm mang đi bán tiêu thụ. Lúc này có chiếc xe ô tô tải khoảng hơn một tấn dừng lại, lái xe ô tô là nam giới khoảng 40 tuổi (không rõ nhân thân), Q nói với lái xe chở giúp 20 bó thanh nhôm đem đi bán rồi sẽ trả tiền thì người này đồng ý. Q dẫn lái xe ô tô đến chỗ để các bó nhôm sau đó về nhà gọi em trai là Nguyễn Danh T ra giúp khuân và khiêng 20 bó thanh nhôm lên xe ô tô. T hỏi Q các bó thanh nhôm ở đâu mà có thì Q nói vừa ăn trộm bên xưởng nhà ông Th về. Mặc dù biết tài sản do Q trộm cắp được mà có nhưng T vẫn đồng ý giúp Q khuân và khiêng 20 bó thanh nhôm lên xe cho Q đi bán (*Lúc đầu khi nghe Q nói tài sản trộm cắp thì T có nói*

từ chối khuôn giúp vì T mới đi tù về, nhưng do Q nói năn nỉ “giúp anh để anh bán lấy tiền đóng học cho các cháu” nên T nghĩ thương các cháu và đồng ý giúp Q khuôn tài sản lên xe ô tô). Sau khi cùng Q vác số nhôm lên xe ô tô xong thì T về nhà, còn Q đi cùng xe đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn Q1- sinh năm 1981, ĐKTT: thôn 7, xã Ph, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Q nói đây là hàng của công ty thanh lý nên anh Nguyễn Văn Q1 đồng ý mua với giá 11.850.000 đồng và chuyển khoản từ số tài khoản 6060163253538 ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn Q1 tới số tài khoản 0963063926 ngân hàng MB mang tên Nguyễn Danh Q số tiền 10.850.000 đồng, trả tiền mặt 1.000.000 đồng. Nguyễn Danh Q đưa 1.000.000 đồng trả tiền công cho lái xe ô tô rồi người này bỏ đi. Q về nhà và có chuyển khoản cho Nguyễn Danh T 2.300.000 đồng, số tiền còn lại Q tiêu xài, trả nợ cá nhân hết. Đến khoảng 11 giờ ngày 15/12/2023 nhận thấy việc trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật, Q đến Công an xã Ph, Quốc Oai để đầu thú.

Đối với anh Nguyễn Văn Q1 sau khi mua được các thanh nhôm của Nguyễn Danh Q, sáng ngày 15/12/2023 đã bán lại toàn bộ cho chị Nguyễn Thị Hồng Y- sinh năm 1988; ĐKTT: thôn V, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với giá 20.000.000 đồng. Chị Y đã cắt các thanh nhôm làm hai để cho dễ vận chuyển về xưởng của nhà chị Y ở huyện Khoái Châu, Hưng Yên. Sau khi được Cơ quan điều tra cho biết số nhôm đó là tài sản trộm cắp mà có, anh Nguyễn Văn Q1 đã thông báo cho chị Y, sau đó chị Y đã mang toàn bộ số nhôm này giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Quốc Oai.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 50 thanh kim loại dạng nhôm hình chữ U kích thước (350 x 7,5 x 4,5)cm; 30 thanh kim loại dạng nhôm kích thước (350 x 9 x 1,5)cm; 42 thanh kim loại dạng nhôm trên thanh có các lỗ thủng kích thước (350 x 6,5 x 1,5)cm; 28 thanh kim loại dạng nhôm dẹt nhỏ kích thước (350 x 4,5 x 1,5)cm; 02 thanh kim loại dạng nhôm hình chữ L kích thước (350 x 18 x 10)cm. Tổng số là 152 thanh kim loại dạng nhôm, tổng trọng lượng là 422,5kg.

- Số tiền 2.300.000 đồng do Nguyễn Danh T giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73 ngày 22/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quốc Oai xác định: 25 thanh kim loại dạng nhôm hình chữ U kích thước (750x7,5x4,5)cm, trước khi bị hủy hoại; 15 thanh kim loại dạng nhôm, kích thước (750x9x1,5)cm, trước khi bị hủy hoại; 21 thanh kim loại dạng nhôm trên thanh có các lỗ thủng, kích thước (750x6,5x1,5)cm, trước khi bị hủy hoại; 14 thanh kim loại dạng nhôm dẹt, nhỏ kích thước (750x4,5x1,5)cm, trước khi bị hủy hoại; 01 thanh kim loại dạng nhôm hình chữ L (750x18x10) cm, trước khi bị hủy hoại tại thời điểm ngày 14/12/2023 có giá trị là 48.120.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Xử lý vật chứng: Ngày 22/12/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Quang Th toàn bộ số thanh kim loại dạng nhôm là vật chứng của vụ án. Đối với số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Danh T chuyển sang Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quốc Oai để xử lý theo quy định.

Về dân sự: ông Bùi Quang Th bán số nhôm sau khi nhận về được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), ngày 05/3/2024 bị cáo Nguyễn Danh T đã tự nguyện bồi thường cho ông Th số tiền 20.000.000 đồng; ông Th yêu cầu Nguyễn Danh Q bồi thường tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn Q1 yêu cầu Nguyễn Danh Q bồi thường số tiền 11.850.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng Y yêu cầu anh Nguyễn Văn Q1 trả lại số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn Q1 và chị Nguyễn Thị Hồng Y đều không hứa hẹn trước với Nguyễn Danh Q về việc mua tài sản. Khi bán tài sản cho anh Nguyễn Văn Q1 thì bị cáo Q nói là hàng do công ty thanh lý nên Nguyễn Văn Q1 không biết đây là tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Văn Q1 và chị Y.

Đối với người lái xe ô tô tải chở tài sản trộm cắp thuê cho bị cáo Q: Do bị cáo Q vậy thuê xe trên đường và không quen biết người lái xe này (Không biết họ, tên, địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ đối tượng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Danh Q, Nguyễn Danh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSQO ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Danh Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Danh T về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh Q từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số thanh nhôm là vật chứng của vụ án cho bị hại, nên không phải xem xét. Trả lại số tiền 2.300.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Q1.

Về dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận tự nguyện của bị cáo Nguyễn Danh Q bồi thường tiếp cho ông Bùi Quang Th số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Danh Q phải trả tiếp anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 9.550.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Q1 phải trả lại chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 20.000.000 đồng.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Danh Q:

Về tội danh: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Quyết về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và sớm cải tạo về chăm sóc gia đình, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ, vật chứng của vụ án, lời khai bị hại, người liên quan. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng buổi tối không có người trông coi tài sản, khoảng 20 giờ ngày 14/12/2023, Nguyễn Danh Q đã lén trèo tường vào trong xưởng sản xuất cửa quán của ông Bùi Quang Th ở thôn 3, xã Ph, huyện Quốc Oai, Hà Nội để trộm cắp của ông Th tổng số 76 thanh nhôm có giá trị là **48.120.000 đồng** (Bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Mặc dù biết số nhôm trên là do Q trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Danh T (là em trai của Q) vẫn giúp Q khuân vác, vận chuyển lên xe ô tô để Q mang đi tiêu thụ. Q bán 76 thanh nhôm trên cho anh Nguyễn Văn Q1 được 11.850.000 đồng, Nguyễn Danh Q trả công cho lái xe ô tô 1.000.000 đồng, chuyển cho T 2.300.000 đồng, còn 8.550.000 đồng sử dụng đóng học cho con và trả nợ hết.

Sau khi mua được số nhôm trên, anh Nguyễn Văn Q1 bán lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Y được 20.000.000 đồng.

Hành vi trên của Nguyễn Danh Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Danh T, không được Nguyễn Danh Q trao đổi bàn bạc và hứa hẹn trước về việc phân chia tài sản trộm cắp. Chỉ sau khi trộm cắp được tài sản mang ra ven đường thì Q mới tìm gặp T để nhờ khuân giúp lên xe ô tô để Q mang đi tiêu thụ; số tiền

2.300.000 đồng là Q tự chuyển vào tài khoản cho Tuấn sau khi bán được tài sản. Như vậy, thời điểm Q nhờ T khuân tài sản trộm cắp lên xe để đi tiêu thụ thì tội Trộm cắp tài sản của Q đã hoàn thành và không liên quan đến sự giúp sức của bị cáo T. Do vậy, hành vi của Nguyễn Danh T không đồng phạm với bị cáo Q về tội “Trộm cắp tài sản”. Khi được Q nhờ khuân vác tài sản lên xe ô tô để đi bán, T có hỏi về nguồn gốc tài sản và được Q nói cho biết tài sản lấy trộm trong xưởng của ông Th, nhưng T vẫn giúp Q khuân vác tài sản lên xe ô tô để Q mang đi tiêu thụ nên hành vi của T đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố các bị cáo Nguyễn Danh Q, Nguyễn Danh T về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo vi phạm các tội độc lập khác nhau nên không phân định vai trò các bị cáo trong vụ án. Nhưng xác định hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp giúp sức cho hành vi của bị cáo Q mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ.

[4]. Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn huyện nên phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo thành người tốt và phòng, chống tội phạm nói chung.

[4.1]. Đối với bị cáo Q: Bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, lười lao động, tài sản trộm cắp có giá trị lớn nên cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Q đã tác động để bị cáo T và gia đình đứng ra bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; Gia đình bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo; bị cáo có bà nội là Đảng viên được tặng Huy hiệu 30 năm và 40 năm tuổi Đảng, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Đối với bị cáo T:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Đối với bản án số 51 ngày 08/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, T đã chấp hành án phạt tù xong ngày 22/10/2021, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/01/2021. Tính đến ngày phạm tội lần này (14/12/2023) T đã được xóa án tích, nên không thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo T đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.300.000 đồng cho Cơ quan điều tra và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bà nội là Đảng viên được tặng Huy hiệu 30 năm và 40 năm tuổi Đảng, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội thuộc trường hợp giúp sức, vai trò không đáng kể; Bị cáo T và bị cáo Q là anh em ruột, khi được bị cáo Q nhờ khuân giúp tài sản trộm cắp lên xe thì T đã nhận thức được nhân thân xấu của mình nên từ chối không giúp, nhưng khi bị cáo Q năn nỉ nhờ giúp khuân tài sản lên xe đi bán lấy tiền đóng học cho con, trước sự thuyết phục của bị cáo Q, vì thương các cháu nên T đã giúp Q khuân tài sản (*Kết quả xác minh có sự việc sau khi bán được tài sản thì bị cáo Q đã sử dụng một phần để đóng tiền học phí cho con tại nhà trường*); Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng ổn định nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống quản lý giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

[4.3]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5]. Đối với anh Nguyễn Văn Q1 và chị Nguyễn Thị Hồng Y đều không hứa hẹn trước với Nguyễn Danh Q về việc mua tài sản. Khi bán tài sản cho anh Nguyễn Văn Q1 thì bị cáo Q nói là hàng do công ty thanh lý nên Nguyễn Văn Q1 không biết đây là tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Văn Q1 và chị Y là đúng pháp luật.

Đối với người lái xe ô tô tải chở tài sản trộm cắp thuê cho bị cáo Q: Do bị cáo Q vẫy thuê xe trên đường và không quen biết người lái xe này. Do Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ đối tượng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ các thanh nhôm là vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại (ông Bùi Quang Th) là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.300.000 đồng do bị cáo T giao nộp, đây là khoản tiền sau khi bị cáo Q bán tài sản trộm cắp cho anh Nguyễn Văn Q1 mà có nên được trả lại cho anh Nguyễn Văn Q1.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Anh Nguyễn Văn Q1 yêu cầu bị cáo Q trả lại số tiền 11.850.000 đồng là đúng pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền này được thanh toán vào số tiền 2.300.000 đồng mà bị cáo T đã nộp tại Cơ quan điều tra; bị cáo Q phải trả tiếp cho anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 9.550.000 đồng.

Ông Bùi Quang Th yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường tiếp số tiền thiệt hại 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Q tự nguyện bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của bị hại nên được chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Hồng Y yêu cầu anh Nguyễn Văn Q1 trả lại số tiền 20.000.000 đồng là đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (bị cáo Q phải chịu thêm án phí dân sự) theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Q1 phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải trả lại cho chị Y.

[9]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Danh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo Nguyễn Danh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Danh Q** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Danh T** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Danh T cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội quản lý giám sát trong thời gian thi hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Danh Q bồi thường tiếp cho ông Bùi Quang Th số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Bị cáo Nguyễn Danh Q phải trả lại anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 11.850.000 đồng; được thanh toán vào số tiền 2.300.000 đồng do bị cáo Nguyễn Danh T nộp tại Cơ quan điều tra theo Ủy nhiệm chi ngày 26/02/2024 của Công an huyện Quốc Oai tại Kho bạc nhà nước huyện Quốc Oai, Nguyễn Danh Q phải trả tiếp cho anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 9.550.000 đồng (*Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc anh Nguyễn Văn Q1 phải trả lại chị Nguyễn Thị Hồng Y số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Danh Q, Nguyễn Danh

T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Danh Q phải chịu 1.478.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự. Anh Nguyễn Văn Q1 phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Công an huyện Quốc Oai
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

